

Số: 10 /2024/QĐ-UBND

Nghệ An, ngày 20 tháng 5 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Quy định nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Bảo vệ môi trường tỉnh Nghệ An

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Thông tư số 05/2021/TT-BTNMT ngày 29 tháng 5 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Tài nguyên và Môi trường thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, phòng Tài nguyên và Môi trường thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1388/TTr-STNMT ngày 11 tháng 3 năm 2024 và Công văn số 2982/STNMT-VP ngày 08 tháng 5 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nhiệm vụ, quyền hạn

1. Tham mưu, giúp Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền: Các văn bản quy phạm pháp luật, kế hoạch dài hạn, 5 năm, hàng năm, chương trình, đề án, dự án, biện pháp tổ chức thực hiện các nhiệm vụ và các văn bản khác về lĩnh vực môi trường.

2. Tham mưu, giúp Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường:

a) Tổ chức thực hiện các văn bản pháp luật, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án, biện pháp tổ chức thực hiện về lĩnh vực môi trường sau khi được phê duyệt; tuyên truyền, phổ biến, giáo dục, theo dõi việc thi hành pháp luật và các nhiệm vụ khác về lĩnh vực môi trường;

b) Cấp giấy phép, văn bằng chứng chỉ trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;

c) Tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định của pháp luật;

d) Tổ chức cấp, điều chỉnh sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại theo quy định của pháp luật; thực hiện kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường của dự án; phối hợp kiểm tra, xác nhận hoàn thành từng phần cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh; phối hợp kiểm tra, xác nhận hoàn thành toàn bộ cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản khi tiến hành thủ tục đóng cửa mỏ thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh; tổ chức xác nhận việc đăng ký và thực hiện kế hoạch bảo vệ môi trường của các dự án, phương án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật; tổ chức thực hiện hoạt động đăng ký, công nhận, cấp, thu hồi các loại giấy phép, giấy chứng nhận về đa dạng sinh học thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật; thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học theo sự phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh; thẩm định hồ sơ cấp giấy phép trao đổi, mua, bán, tặng, cho, thuê mẫu vật của loài thuộc Danh mục loài được ưu tiên bảo vệ; thẩm định hồ sơ cấp giấy phép nuôi trồng loài thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ;

đ) Tổ chức quản lý, kiểm soát nguồn thải, nguồn ô nhiễm từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn theo quy định của pháp luật, gồm: hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc vận hành thử nghiệm công trình bảo vệ môi trường; thực hiện công tác quản lý, giám sát toàn bộ hệ thống quan trắc nước thải, khí thải tự động, liên tục trên địa bàn tỉnh; kiểm tra, giám sát hoạt động quan trắc định kỳ đối với nguồn thải, nguồn ô nhiễm; theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra hoạt động bảo vệ môi trường của các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn quản lý theo quy định;

e) Tổ chức thực hiện quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn; hướng dẫn, kiểm tra hoạt động thu hồi, xử lý các sản phẩm hết hạn sử dụng hoặc thải bỏ đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; tham gia, hướng dẫn, kiểm tra việc nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất và các hoạt động quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại khác trên địa bàn thuộc trách nhiệm theo quy định của pháp luật;

g) Tổ chức điều tra, đánh giá, xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch, đề án, dự án xử lý ô nhiễm, cải tạo và phục hồi chất lượng môi trường theo quy định của pháp luật và theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh; tổ chức thực hiện công tác bảo vệ môi trường làng nghề trên địa bàn theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định của pháp luật;

h) Tổ chức xây dựng phương án bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học lồng ghép vào quy hoạch tỉnh; tổ chức điều tra, đánh giá, lập danh mục, dự án thành lập

các khu bảo tồn thiên nhiên, hành lang đa dạng sinh học, khu vực đa dạng sinh học cao, vùng đất ngập nước quan trọng, cảnh quan sinh thái quan trọng, cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học; tổ chức biện pháp bảo tồn loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ, bảo tồn nguồn gen các loài bản địa, loài có giá trị tại địa phương; quản lý, giám sát hoạt động tiếp cận nguồn gen và tri thức truyền thống gắn với nguồn gen theo quy định của pháp luật; kiểm soát các loài sinh vật ngoại lai xâm hại, sinh vật biến đổi gen và sản phẩm, hàng hóa có nguồn gốc từ sinh vật biến đổi gen; tổ chức kiểm kê, quan trắc, lập báo cáo đa dạng sinh học, xây dựng và vận hành cơ sở dữ liệu về đa dạng sinh học; tổ chức thực hiện việc chi trả dịch vụ môi trường liên quan đến đa dạng sinh học cấp tỉnh; lập hồ sơ đề cử công nhận và thực hiện chế độ quản lý các danh hiệu quốc tế về bảo tồn (khu Ramsar, vườn di sản của ASEAN, khu Dự trữ sinh quyển thế giới);

i) Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường; cải tạo phục hồi môi trường sau sự cố theo quy định của pháp luật;

k) Tổ chức xây dựng, quản lý hệ thống quan trắc môi trường, thực hiện quan trắc môi trường, thông tin về chất lượng môi trường, cảnh báo về ô nhiễm môi trường trên địa bàn theo quy định của pháp luật;

l) Tổ chức xây dựng, quản lý dữ liệu, thông tin và xây dựng báo cáo về môi trường theo quy định của pháp luật; tham mưu tổ chức thực hiện các chỉ tiêu thống kê môi trường trong các chiến lược, quy hoạch, đề án, dự án thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định của pháp luật;

m) Tổ chức xác định thiệt hại đối với môi trường; yêu cầu bồi thường thiệt hại đối với môi trường do ô nhiễm, suy thoái gây ra trên địa bàn theo quy định của pháp luật;

n) Tổng hợp nhu cầu kinh phí sử dụng nguồn sự nghiệp bảo vệ môi trường hàng năm của các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã gửi Sở Tài chính để cân đối trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; theo dõi, giám sát việc thực hiện kế hoạch và dự toán ngân sách từ nguồn sự nghiệp bảo vệ môi trường sau khi được phê duyệt theo quy định của pháp luật;

o) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan trong việc giải quyết các vấn đề môi trường liên ngành, liên huyện trên địa bàn tỉnh và công tác khai thác bền vững tài nguyên thiên nhiên theo quy định của pháp luật;

p) Chủ trì kiểm tra và phối hợp thanh tra các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thi hành pháp luật về bảo vệ môi trường thuộc phạm vi quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường.

3. Hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý nhà nước về môi trường đối với phòng Tài nguyên và Môi trường thuộc Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã; bồi dưỡng nghiệp vụ về bảo vệ môi trường đối với công chức phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện, công chức chuyên môn cấp xã.

4. Quản lý tổ chức, bộ máy, biên chế và tài chính, tài sản theo quy định của pháp luật.

5. Thực hiện công tác thông tin, báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định.

6. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định pháp luật, Ủy ban nhân dân tỉnh và Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường giao.

Điều 2. Cơ cấu tổ chức và biên chế

1. Cơ cấu tổ chức bộ máy

a) Lãnh đạo Chi cục:

Chi cục Bảo vệ môi trường tỉnh Nghệ An (viết tắt là Chi cục) có Chi cục trưởng và 01 Phó Chi cục trưởng.

Chi cục Trưởng là người đứng đầu Chi cục; chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Chi cục.

Phó Chi cục trưởng là người giúp Chi cục trưởng chỉ đạo một số mặt công tác, chịu trách nhiệm trước Chi cục trưởng và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công. Khi Chi cục trưởng vắng mặt, Phó Chi cục trưởng được Chi cục trưởng ủy nhiệm điều hành các hoạt động của Chi cục.

Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Chi cục trưởng, Phó Chi cục trưởng được thực hiện theo quy định của pháp luật và phân công, phân cấp quản lý cán bộ, công chức, viên chức và người lao động hiện hành.

b) Các phòng thuộc Chi cục:

Phòng Tổng hợp và Thẩm định;

Phòng Kiểm soát ô nhiễm.

2. Biên chế, số lượng người làm việc

a) Biên chế, số lượng người làm việc của Chi cục Bảo vệ môi trường tỉnh Nghệ An được Ủy ban nhân dân tỉnh giao theo kế hoạch hàng năm trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được giao, định mức biên chế do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành, đề án vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Việc quản lý, tuyển dụng, sử dụng công chức, viên chức và hợp đồng lao động thực hiện theo quy định của pháp luật và phân công, phân cấp hiện hành;

c) Số lượng biên chế tối thiểu bố trí cho từng phòng thuộc Chi cục; số lượng Phó Chi cục trưởng, Phó trưởng phòng thuộc Chi cục thực hiện theo quy định tại Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 5 năm 2024; bãi bỏ khoản 2, khoản 3 Điều 1 Quyết định số 29/2009/QĐ-UBND ngày 25 tháng 02 năm 2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An về việc thành lập Chi cục Bảo vệ môi trường và bãi bỏ toàn bộ Quyết định 4309/QĐ-UBND ngày 17 tháng 10 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An về việc bổ sung chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức bộ máy, biên chế của Chi cục Bảo vệ môi trường tỉnh Nghệ An.

Điều 4. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Nội vụ; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã; Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- Bộ Nội vụ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Phó VP UBND tỉnh;
- Trung tâm Tin học - Công báo tỉnh;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, TH (Hùng).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Đệ